

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2022

Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuận

2. Bà Phạm Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Công - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST – HNGĐ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh L, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Buôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Chị H K, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Buôn P, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lai trình bày:

Anh L và chị H K tự nguyện chung sống từ năm 2019, đến ngày 27/8/2020 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân: không có tiếng nói

chung trong làm ăn kinh tế, chị H K cứ yêu cầu anh L phải đưa về từ 08 triệu đồng trở lên nhưng khả năng của anh L cố gắng lắm cũng chỉ tới 05 triệu/ tháng nên vợ chồng cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 02/2022 đến nay. Ly thân nhưng cả 02 vợ chồng đều không cố gắng giải hòa, không muốn về đoàn tụ. Nay anh L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với chị H K được nữa, xin được ly hôn với chị H K.

Về con chung: Quá trình chung sống anh L và chị H K có 01 con chung tên là H L, sinh ngày 01/5/2020; hiện con chung đang sống với chị H K nguyện vọng của tôi xin được nhường quyền nuôi con cho chị H K vì cháu là con gái, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ; mặt khác cô H K là người dân tộc Ê Đê có chế độ mẫu hệ rất coi trọng con gái nên cháu sẽ được chăm sóc tốt. Về cấp dưỡng nuôi con: hiện tại anh L không có công việc ổn định, thu nhập không ổn định nên không thể cấp dưỡng nuôi con cụ thể được, anh L không cấp dưỡng nuôi con, anh L sẽ thăm nom con trong khả năng của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh L không có tài sản chung, nợ chung. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về phiên hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn chị H K vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông giải quyết việc ly hôn với chị H K, chị H K có hộ khẩu thường trú tại Buôn P, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Căn cứ mở phiên tòa: Bị đơn là chị H K đã được Tòa án tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 208, Điều 209 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vụ án không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định. Việc vắng mặt tại phiên tòa lần 02 của chị H K : HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị H K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H K tự nguyện chung sống từ năm 2019, đến ngày 27/8/2020 anh L và chị H K mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh L và chị H K chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 02/2022, chị H K cũng đi làm ăn từ tháng 4/2022, vợ chồng không cùng chung sống và nuôi dạy con chung (Nội dung mâu thuẫn giữa anh L và chị H K đã được xác minh tại Biên bản xác minh ngày 05/5/2022 tại Buôn P Bút lục 32). Tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2.....”

Xét yêu cầu ly hôn của anh L với chị H K vì vợ chồng không cùng nhau chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ, cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết, chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị H K.

- Về con chung: Xét nguyện vọng của anh L, biên bản xác minh, HĐXX xét thấy cần giao con chung H L, sinh ngày 01/5/2020 cho chị H K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo

quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

1.

2.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Chị H K là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục H L, sinh ngày 01/5/2020 từ tháng 02/2022 đến nay, con chung vẫn phát triển tốt, chị H K không có yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh L không có nguyện vọng cấp dưỡng cho con vì anh L cho rằng anh không có công việc và thu nhập ổn định; chị H K không có văn bản yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con trong vụ án. Tuy nhiên, để đảm bảo cho quyền lợi của cháu H L, HĐXX áp dụng Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tách phần cấp dưỡng của cháu H L giải quyết bằng một vụ án khác về cấp dưỡng khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội thì anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh L được ly hôn với chị H K (Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao con H L, sinh ngày 01/5/2020 cho chị H K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tách phần cấp dưỡng của cháu H L giải quyết bằng một vụ án khác về cấp dưỡng khi đương sự có đơn yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh L phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003720 ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LỘC THỊ VINH